

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC VỀ NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI CỦA
HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THIÊN HỘ DƯƠNG,
THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Văn Hiền¹ và Dương Văn Khánh^{2*}

¹Sinh viên, Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: dvkhanh@dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 05/9/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 18/11/2024; Ngày duyệt đăng: 09/12/2024

Tóm tắt

Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu và phân tích thực trạng nhận thức của học sinh trung học phổ thông về hiểu biết tên nghề, đối tượng làm việc/can thiệp, yêu cầu chuyên môn, giá trị nghề nghiệp, môi trường/lĩnh vực làm việc, cơ sở pháp lý và hệ thống cơ quan, tổ chức quản lý của nghề nghiệp công tác xã hội. Nghiên cứu khảo sát điều tra 270 học sinh tại Trường Trung học phổ thông Thiên Hộ Dương, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhận thức nghề công tác xã hội của học sinh là rất thấp, phần lớn các em đều chưa hiểu biết và chưa có nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp công tác xã hội. Vấn đề này đòi hỏi cần có những giải pháp thiết thực góp phần nâng cao nhận thức về nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông trong thời gian tới.

Từ khoá: Học sinh, nhận thức, nghề công tác xã hội, trung học phổ thông.

REALITIES ON HIGH SCHOOL STUDENTS' PERCEPTION OF
SOCIAL WORK PROFESSION AT THIEN HO DUONG HIGH SCHOOL,
CAO LANH CITY, DONG THAP PROVINCE

Nguyen Van Hien¹ and Duong Van Khanh^{2*}

¹Student, Faculty of Culture Tourism and Social Work, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

²Faculty of Culture Tourism and Social Work, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

*Corresponding author, Email: dvkhanh@dthu.edu.vn

Article history

Received: 05/09/2024; Received in revised form: 18/11/2024; Accepted: 09/12/2024

Abstract

The aim of this study is to explore and analyze the realities on high school students' perception of social work profession, including the job title, target clients, professional requirements, professional values, work environment/fields, legal basis, and the system of agencies and organizations involved in this profession. The study surveyed 270 students at Thien Ho Duong High School, Cao Lanh City, Dong Thap Province. Research findings show that their perception was very low, with most of them lacking understanding and having an inaccurate perception of the profession. This issue requires practical solutions to improve high school students' awareness of this profession in the future.

Keywords: High school, perception, students, social work profession.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.4.2025.1492>

Trích dẫn: Nguyễn, V. H., & Dương, V. K. (2025). Thực trạng nhận thức về nghề công tác xã hội của học sinh Trường Trung học phổ thông Thiên Hộ Dương, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(4), 88-101. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.4.2025.1492>.

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

1. Đặt vấn đề

Xu hướng tìm hiểu về một nghề nghiệp của học sinh thường phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, đặc biệt liên quan đến lựa chọn nghề nghiệp tương lai. Đối với học sinh trung học phổ thông đó là ưu tiên hàng đầu và là quyết định quan trọng nhất đối với học sinh cuối cấp vì nó ảnh hưởng đến tương lai của các em (Lê, 2015). Lựa chọn nghề nghiệp là một quá trình quyết định đối với các em học sinh, nhất là đối với một ngành mới mẻ như công tác xã hội thì nhận thức của học sinh về ngành nghề còn quan trọng hơn và nó được tác động bởi nhiều yếu tố (Nguyễn, 2015). Việc lựa chọn nghề nghiệp không phải lúc nào cũng dễ dàng đối với học sinh trung học phổ thông. Các em phải đối diện với nhiều khó khăn và áp lực từ nhiều phía khác nhau. Điều đó cho thấy nhu cầu cần được sự hỗ trợ, tư vấn và cung cấp thông tin chính xác nhằm định hướng và nâng cao nhận thức về nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông là rất cần thiết và cấp bách.

Trên thế giới, ngành công tác xã hội đã phát triển ở Châu Âu và Châu Mỹ và nó đã phát triển thành một nghề chuyên nghiệp ở các quốc gia phát triển từ hơn một trăm năm trước. Tại Việt Nam, ngành công tác xã hội được hình thành muộn hơn so với các nước phát triển trên thế giới và chỉ mới được định hình thông qua hệ thống luật pháp trợ giúp cùng với các chính sách xã hội từ giai đoạn đổi mới năm 1986 (Bùi, 2010). Nhằm xây dựng công tác xã hội trở thành một nghề chuyên nghiệp, thực hiện sứ mạng trợ giúp cho người dân nâng cao năng lực ứng phó và kỹ năng giải quyết vấn đề khó khăn, kết nối người dân được tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ, các dịch vụ xã hội để cải thiện chất lượng cuộc sống, mang đến sự phát triển đồng bộ và hài hòa giữa con người và xã hội, Thủ tướng chính phủ đã ký quyết định số 32/2010/QĐ-TTg, ngày 25/3/2010 phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020 (gọi tắt là Đề án 32) đã đánh dấu một mốc mới quan trọng của nghề công tác xã hội tại Việt Nam với mục tiêu: “Phát triển công tác xã hội trở thành một nghề ở Việt Nam; nâng cao nhận thức toàn xã hội về nghề công tác xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội đủ về số lượng, đạt về yêu cầu chất lượng, gắn với phát triển hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ công

tác xã hội ở các cấp, góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến” (Thủ tướng chính phủ, 2010). Mục tiêu chính của đề án là phát triển công tác xã hội trở thành một nghề chuyên nghiệp ở Việt Nam. Trong đó, công tác nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nghề công tác xã hội là một trong mục tiêu trọng tâm của đề án (Nguyễn, 2018).

Qua tổng hợp một số nghiên cứu về các yếu tố tác động đến nhận thức và lựa chọn nghề của học sinh thì có 3 yếu tố cơ bản sau: (1) xuất phát từ yếu tố nội tại (sở thích cá nhân, đặc điểm cá nhân như tính cách, ngoại hình và sự hài lòng trong công việc) (Karaca et al., 2016); (2) xuất phát từ yếu tố bên ngoài (lương thưởng, cơ hội việc làm, địa vị xã hội, cơ hội thăng tiến) (Agarwala, 2008); (3) tác động của mọi người xung quanh (công việc của người thân trong gia đình, định hướng từ gia đình, sự tư vấn của giáo viên và lựa chọn của bạn bè) (Alyafei, 2018; Carpenter & Foster, 1977). Xác định được các yếu tố tác động đến nhận thức về nghề công tác xã hội là cần thiết và quan trọng nhằm giúp Nhà trường, gia đình có những phương thức hỗ trợ, tư vấn và định hướng hợp lý để các em học sinh có thể đưa ra quyết định đúng đắn đối với việc lựa chọn nghề nghiệp này trong tương lai.

Tuy nhiên, trong bối cảnh thực tế hiện nay cho thấy, còn rất nhiều người chưa hiểu về nghề công tác xã hội. Một thành phần không nhỏ trong dư luận xã hội vẫn còn đánh đồng, cáo báng công tác xã hội với hoạt động từ thiện, chưa hiểu biết toàn diện về chức năng, vai trò, mục đích cung cấp dịch vụ xã hội, là công cụ chuyển tải chính sách xã hội đến với người dân trong hệ thống an sinh xã hội (Lê & cs., 2016; Nguyễn, 2014). Chính vấn đề này đang trở thành một rào cản không nhỏ trong công tác đào tạo nguồn nhân lực công tác xã hội đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là làm ảnh hưởng đến công tác tuyển sinh chuyên ngành công tác xã hội của các cơ sở đào tạo hiện nay (Tạ & Nguyễn, 2024).

Thực trạng đào tạo chuyên ngành công tác xã hội tại Trường Đại học Đồng Tháp đã minh chứng cho vấn đề đó. Trong những năm gần đây, số lượng sinh viên học ngành công tác xã hội tại Trường Đại học Đồng Tháp rất thấp so với chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà trường, có không ít sinh viên khi bắt đầu theo học ngành này cảm thấy không phù hợp dẫn đến chán nản,

muốn thi vào những ngành khác, một số trường hợp sinh viên đã bỏ học sau khi học một thời gian do cảm thấy ngành nghề không tương thích với năng lực và nguyện vọng của bản thân. Thực trạng này tác động và ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo đối với chuyên ngành này của Nhà trường (Trường Đại học Đồng Tháp, 2021). Mặt khác, số liệu thống kê cũng cho thấy, số lượng học sinh của Trường Trung học phổ thông Thiên Hộ Dương nhập học ngành công tác xã hội tại Trường Đại học Đồng Tháp trong những năm gần đây chiếm tỷ lệ cao (đây là ngôi trường tọa lạc cùng đơn vị hành chính với Trường Đại học Đồng Tháp). Chính vì vậy, đây là cơ sở để chúng tôi quyết định chọn Trường Trung học phổ thông Thiên Hộ Dương là địa điểm triển khai nghiên cứu.

Một trong những nguyên nhân mà chúng tôi cho rằng tác động chính đó là việc nhận thức của học sinh về ngành nghề công tác xã hội còn mơ hồ, cảm tính. Điều cần thiết, cấp bách là cần tăng cường công tác truyền thông, nâng cao sự hiểu biết của các em trước khi thực sự chọn ngành nghề này theo học, hơn nữa giúp các em cân cân nhắc kỹ lưỡng trước khi quyết định gắn bó mình với một ngành nghề cụ thể, không để việc quan trọng bậc nhất trong đời mình là ngẫu nhiên, cảm tính. Mặt khác, góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với nghề nghiệp công tác xã hội trong chiến lược phát triển nghề nghiệp công tác xã hội ở nước ta hiện nay. Nghiên cứu thực trạng nhận thức về nghề nghiệp công tác xã hội của học sinh Trường Trung học phổ thông Thiên Hộ Dương, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cung cấp một bối cảnh thực tiễn nhận thức về nghề nghiệp công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông, từ đó đề xuất những giải pháp góp phần nâng cao nhận thức cho học sinh đối với ngành nghề này trong thời gian tới.

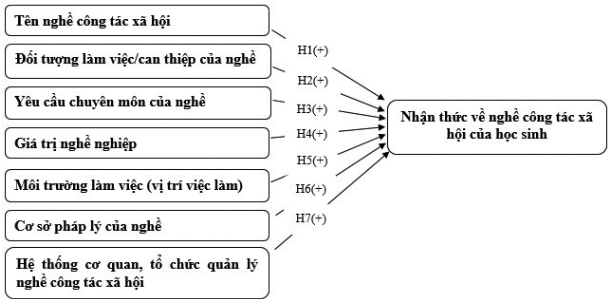
2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang và chọn mẫu ngẫu nhiên 270 học sinh trung học phổ thông từ khối 10 đến khối 12 của Trường Trung học phổ thông Thiên Hộ Dương, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nhóm tác giả dựa vào công thức Slovin (1984) (Võ & Huỳnh, 2016): $n = N/(1+N(e)^2)$ để xác định cỡ mẫu khi biết được tổng thể $N = 840$, sai số $e = 0.05$, độ tin cậy 95%).

2.2. Khung lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

Theo Ernest Greenwood (1957) (Bùi, 2010) đã chỉ ra, một lĩnh vực hoạt động được xác định là một nghề khi hội tụ đầy đủ những yếu tố sau: (1) Thực hiện sự phân công chức năng và nhiệm vụ trước xã hội, được xã hội thừa nhận qua các văn bản pháp lý như mã nghề, các luật định cơ quan; (2) Có một hệ thống cơ quan tổ chức cùng đội ngũ cán bộ thực thi, cung cấp các dịch vụ, hoạt động cho xã hội; (3) Có hệ thống các quy định, tiêu chuẩn, yêu cầu đạo đức nghề nghiệp; (4) Có hệ thống kiến thức lý thuyết, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ; (5) Có hoạt động đào tạo chuyên môn theo các cấp bậc trình độ. Qua nghiên cứu trên, khung lý thuyết về nhận thức về nghề nghiệp công tác xã hội của học sinh Trường Trung học phổ thông Thiên Hộ Dương, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp được đề xuất như sau:



Hình 1. Khung lý thuyết nghiên cứu về nhận thức về nghề nghiệp công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành điều tra thông qua bảng câu hỏi khảo sát và phiếu hỏi được chuyển đến để học sinh tự trả lời các thông tin có trong phiếu. Bảng khảo sát bao gồm các thông tin cá nhân như: giới tính, khối lớp, ban học. Các câu hỏi về nhận thức nghề nghiệp công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông được thể hiện với các nội dung sau: (1) Hiểu biết của học sinh về tên nghề nghiệp công tác xã hội; (2) Nhận thức của học sinh về đối tượng làm việc/can thiệp của nghề nghiệp công tác xã hội; (3) Nhận thức của học sinh về yêu cầu chuyên môn của nghề nghiệp công tác xã hội; (4) Nhận thức của học sinh về giá trị nghề nghiệp của nghề nghiệp công tác xã hội; (5) Nhận thức của học sinh về môi trường/lĩnh vực làm việc của nghề nghiệp công tác xã hội; (6) Nhận thức của học sinh về cơ sở pháp lý của nghề nghiệp công tác xã hội; (7) Nhận thức của học sinh về hệ thống cơ quan, tổ chức quản lý nghề nghiệp công tác xã hội.

Hệ thống các câu hỏi về nhận thức nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông đều được thiết kế theo thang đo likert 5 mức độ, các giá trị được thể hiện từ 1 đến 5, với 1 đại diện cho “Hoàn toàn không hiểu biết”, 2 đại diện cho “Không hiểu biết”, 3 đại diện cho “Trung lập/Phân vân”, 4 đại diện cho “Hiểu biết”, 5 đại diện cho “Rất hiểu biết”.

2.4. Phân tích dữ liệu nghiên cứu

Số liệu sau khi thu thập sẽ được nhập và xử lý trên phần mềm thống kê SPSS 25.

Sử dụng kiểm định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha để kiểm tra hệ số tương quan và mối quan hệ giữa các biến. Tuân theo quy tắc Cronbach's Alpha và tính nhất quán bên trong $\alpha > 0,9$ nghĩa là rất tốt,

$0,8 < \alpha < 0,9$ nghĩa là tốt, $0,7 < \alpha < 0,8$ nghĩa là chấp nhận được, $0,6 < \alpha < 0,7$ nghĩa là kém, $\alpha < 0,6$ là không chấp nhận được (Hoàng & Chu, 2008). Sau khi kiểm định độ tin cậy của các biến, chúng tôi sử dụng công cụ thống kê mô tả bằng cách tính giá trị trung bình để đánh giá thực trạng nhận thức về nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông theo giá trị khoảng cách như sau: 1,00 - 1,80: Hoàn toàn không hiểu biết; 1,81 - 2,60: Không hiểu biết; 2,61 - 3,40: Trung lập/Phân vân; 3,41 - 4,20: Hiểu biết; 4,21 - 5,00: Rất hiểu biết.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đánh giá thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Bảng 1. Kiểm định độ tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Thang đo	Cronbach's Alpha	Số lượng biến	Độ mạnh của mối liên hệ
Nhận thức của học sinh về tên nghề công tác xã hội	0,983	17	Rất mạnh
Nhận thức của học sinh về đối tượng làm việc/can thiệp của nghề công tác xã hội	0,980	14	Rất mạnh
Nhận thức của học sinh về yêu cầu chuyên môn của nghề công tác xã hội (kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức)	0,957	31	Rất mạnh
Nhận thức của học sinh về giá trị nghề nghiệp của nghề công tác xã hội.	0,937	17	Rất mạnh
Nhận thức của học sinh về môi trường/lĩnh vực làm việc (vị trí việc làm) của nghề công tác xã hội.	0,968	11	Rất mạnh
Nhận thức của học sinh về cơ sở pháp lý của nghề công tác xã hội.	0,985	15	Rất mạnh
Nhận thức của học sinh về hệ thống cơ quan, tổ chức quản lý nghề công tác xã hội.	0,975	10	Rất mạnh

Kết quả Cronbach's Alpha của các thang đo đều có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha đạt yêu cầu ($> 0,6$). Như vậy, sau khi đánh giá độ tin cậy thang đo thì mô hình nghiên cứu bao gồm 7 nội dung là: Hiểu biết của học sinh về tên nghề công tác xã hội; Nhận thức của học sinh về đối tượng làm việc/can thiệp của nghề công tác xã hội; Nhận thức của học sinh về yêu cầu chuyên môn (kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức) của nghề công tác xã hội; Nhận thức của học sinh về giá trị nghề nghiệp của

nghề công tác xã hội; Nhận thức của học sinh về môi trường/lĩnh vực làm việc (vị trí việc làm) của nghề công tác xã hội; Nhận thức của học sinh về cơ sở pháp lý của nghề công tác xã hội; Nhận thức của học sinh về hệ thống cơ quan, tổ chức quản lý nghề công tác xã hội. Các nội dung này sẽ được đưa vào phân tích chi tiết đối với thực trạng nhận thức về nghề công tác xã hội của học sinh Trường Trung học phổ thông Thiên Hộ Dương, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Thực trạng hiểu biết về tên nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông

Bảng 2. Hiểu biết về tên nghề công tác xã hội của học sinh

Nội dung	Số lượng (SL)	Điểm trung bình (ĐTB)	Thứ bậc (TB)
Chỉ giải quyết vấn đề tạm thời, người được giúp lệ thuộc, trông chờ và ỷ lại.	270	3,81	1
Giải quyết vấn đề cấp bách, giúp đỡ vật chất nhất thời, không đáp ứng nhu cầu của người cần giúp đỡ.	270	3,71	2
Làm thay, áp đặt cho đối tượng giúp đỡ.	270	3,71	2
Thực hiện công việc để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, uy tín, làm việc vì danh tiếng cá nhân.	270	3,63	3
Quan hệ giữa người giúp và người được giúp là quan hệ nhất thời, ban bố, xin cho.	270	3,55	4
Chỉ cần có tấm lòng, sự nhiệt huyết, tính nhân văn, muốn giúp đỡ người khác.	270	3,36	5
Người được giúp hưởng thụ một cách thụ động.	270	3,29	6
Có điều kiện nhất định về vật chất.	270	3,28	7
Bất kể ai cũng có thể làm được nghề Công tác xã hội mà không cần kiến thức, kỹ năng chuyên môn.	270	2,99	8
Những người được đào tạo chuyên môn, kiến thức về Công tác xã hội mới có thể làm được.	270	2,62	9
Giúp người khó khăn nhận ra vấn đề và cố gắng tự giải quyết vấn đề.	270	2,59	10
Cùng bàn bạc, làm việc với người được giúp.	270	2,57	11
Vận dụng kiến thức, kỹ năng và phương pháp làm việc của công tác xã hội chuyên nghiệp.	270	2,43	12
Tìm hiểu nhu cầu, tôn trọng sự tự quyết của đối tượng giúp đỡ.	270	2,39	13
Vấn đề khó khăn thực sự được giải quyết, người được giúp khắc phục khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.	270	2,31	14
Vận động, quyên góp, ban phát theo hình thức xin cho.	270	2,28	15
Quan hệ giữa người giúp và người được giúp là quan hệ mật thiết, lâu dài, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.	270	2,20	16

Từ kết quả số liệu ở Bảng 2 cho thấy, đa phần học sinh trung học phổ thông Trường Thiên Hộ Dương hoàn toàn không hiểu biết về bản chất của tên nghề công tác xã hội, những nội dung mà phần lớn các em đánh giá sự hiểu biết ở mức cao đều là nội hàm và bản chất của hoạt động từ thiện, thiện nguyện. Cụ thể: Chỉ giải quyết vấn đề tạm thời, người được giúp lệ thuộc, trông chờ và ỷ lại (ĐTB = 3,81, thứ bậc 1), tiếp theo là giải quyết vấn đề cấp bách, giúp đỡ vật chất nhất thời, không đáp ứng nhu cầu của người cần giúp đỡ (ĐTB = 3,71, thứ bậc 2) và làm thay, áp đặt cho đối tượng giúp đỡ (ĐTB = 3,71, thứ bậc 2), theo sau đó là thực hiện công việc để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, uy tín, làm việc vì danh tiếng cá nhân (ĐTB = 3,63, thứ bậc 3). Ngược lại, những nội dung phản ánh được bản chất của nghề công tác xã hội thì các em lại đánh giá mức độ hiểu biết với điểm trung bình rất thấp.

Nhìn chung, mức độ hiểu biết về tên nghề công tác xã hội của học sinh Trường Trung học phổ thông Thiên Hộ Dương còn nhiều hạn chế, đa phần học sinh chưa biết công tác xã hội là một nghề nghiệp trong xã hội. Tên nghề dùng để nhấn mạnh nội hàm về vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ hoặc kỹ năng cụ thể mà người phụ trách sẽ phải thực hiện đối với ngành nghề đó. Hiện nay, nghề công tác xã hội chưa được trong mình các yếu tố của một nghề đó là: đối tượng tác động, nền tảng lý thuyết khoa học, quy định cụ thể về nhiệm vụ, chức năng và hệ thống cơ quan thực hiện chức năng đó và yêu cầu về đào tạo chuyên môn công tác xã hội ở những trình độ khác nhau đối với người thực thi nghề công tác xã hội. Có thể nói, hiểu được về tên nghề công tác xã hội giúp cho các em khám phá và lựa chọn cơ hội nghề nghiệp phù hợp. Tuy nhiên, hiện tại các em đang đánh đồng, cào bằng hoặc nhầm

lần nghề nghiệp công tác xã hội với các hoạt động thiện nguyện, tình nguyện, cứu trợ,... Do đó, công tác nâng cao nhận thức nghề nghiệp, giúp học sinh có cái nhìn toàn diện và chính xác hơn về tên nghề

công tác xã hội là một yêu cầu cần thiết và cấp bách.

3.3. Thực trạng nhận thức về đối tượng làm việc/can thiệp của nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông

Bảng 3. Nhận thức về đối tượng làm việc/can thiệp của nghề công tác xã hội của học sinh

Đối tượng can thiệp	SL	ĐTB	TB
Người có vấn đề sức khỏe tâm thần.	270	2,70	1
Người khuyết tật.	270	2,31	2
Nạn nhân bị bạo lực gia đình.	270	2,30	3
Người nghèo.	270	2,26	4
Phụ nữ.	270	2,25	5
Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.	270	2,22	6
Người cao tuổi.	270	2,17	7
Người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.	270	2,17	7
Người đồng tính.	270	2,13	8
Bất kể cá nhân/nhóm/cộng đồng gặp vấn đề khó khăn, cần sự giúp đỡ.	270	2,11	9
Người nghiện ma túy.	270	2,09	10
Nạn nhân buôn bán người.	270	2,01	11
Người vi phạm pháp luật.	270	1,90	12
Người hoạt động mại dâm.	270	1,86	13

Kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy, hầu hết học sinh trung học phổ thông đều không hiểu biết về đối tượng làm việc/can thiệp của nghề công tác xã hội. Điểm trung bình thể hiện mức độ nhận thức rất thấp. Thực tế cho thấy, tất cả những đối tượng được đề cập trên chính là những người yếu thế trong xã hội cần sự trợ giúp của ngành nghề công tác xã hội nhằm giúp họ nâng cao năng lực và khả năng tự giải quyết vấn đề của chính họ. Công tác xã hội là một nghề - một hoạt động chuyên nghiệp, một khoa học nhằm thực hiện nhiệm vụ chức năng xã hội giao phó và được xã hội thừa nhận. Công tác xã hội hướng tới sự “thay đổi” tích cực về mặt xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho những người yếu thế trên nâng cao năng lực, khả năng ứng phó và giải quyết các vấn đề khó khăn của họ. Sự nhận thức của học sinh về đối tượng làm việc/can thiệp rất quan trọng bởi đó là cơ sở để các em hình thành quan điểm và sự hiểu biết sâu sắc hơn về nghề nghiệp này. Từ những phân tích này, có thể thấy phần lớn học sinh chưa nhận thức được đối tượng làm việc/can thiệp của nghề công tác xã hội, hay nói cách khác các em chưa nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của nghề công tác xã hội trợ giúp những đối tượng đó.

Quá trình nâng cao nhận thức nghề nghiệp công tác xã hội sẽ giúp học sinh xác định được đối tượng mà nghề công tác xã hội cần can thiệp, trợ giúp.

3.4. Thực trạng nhận thức về yêu cầu chuyên môn của nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông

3.4.1. Nhận thức của học sinh trung học phổ thông về yêu cầu phẩm chất đạo đức của nghề công tác xã hội

Số liệu khảo sát từ Bảng 4 cho thấy, phần lớn học sinh có nhận thức rất thấp về yêu cầu phẩm chất đạo đức của nghề công tác xã hội. Đây là nghề nghiệp trợ giúp đối tượng yếu thế trong xã hội nên phẩm chất đạo đức nghề nghiệp là một tiêu chí cốt lõi thực thi nghề công tác xã hội, tuy nhiên đa phần học sinh trung học phổ thông đánh giá mức độ hiểu biết của mình với điểm trung bình thấp. Lần lượt là yêu cầu về có sự cảm thông và tình yêu thương con người, sự sẵn sàng giúp đỡ người khác (ĐTB = 2,50, thứ bậc 1), yêu cầu có sự trung thực (ĐTB = 2,36, thứ bậc 2), tiếp theo đó là những yêu cầu về có niềm đam mê nghề nghiệp, sự cam kết với nghề nghiệp (ĐTB = 2,29, thứ bậc 3) và cương trực, sẵn sàng từ chối sự gian lận (ĐTB = 2,28, thứ bậc 4).

Bảng 4. Nhận thức của học sinh về yêu cầu phẩm chất đạo đức của nghề công tác xã hội

Phẩm chất đạo đức	SL	ĐTB	TB
Có sự cảm thông và tình yêu thương con người, sự sẵn sàng giúp đỡ người khác.	270	2,50	1
Có sự trung thực.	270	2,36	2
Có niềm đam mê nghề nghiệp, sự cam kết với nghề nghiệp.	270	2,29	3
Cương trực, sẵn sàng từ chối sự gian lận.	270	2,28	4
Tôn trọng đối tượng trợ giúp dù họ là ai.	270	2,28	4
Chấp nhận các giá trị, niềm tin của đối tượng trợ giúp.	270	2,23	5
Có lòng vị tha, sự rộng lượng.	270	2,20	6
Có quan điểm cấp tiến và tạo ra sự thay đổi tích cực.	270	2,18	7
Đảm bảo tính bí mật riêng tư của đối tượng trợ giúp.	270	2,17	8
Có thái độ cởi mở.	270	2,13	9
Có tính kiên trì, nhẫn nại.	270	2,09	10

Có thể nhận thấy phần lớn học sinh chưa nhận thức được tầm quan trọng của những phẩm chất đạo đức nghề công tác xã hội, bởi vì khi đảm bảo những yêu cầu đó thì mới trở thành một nhân viên xã hội chuyên nghiệp. Đa phần học sinh đều chưa nhận thức được vai trò mà những phẩm chất đó mang lại, các em chưa hiểu đó là chìa khóa để tạo ra sự kết nối, xây dựng mối quan hệ nghề nghiệp tích cực, xây dựng

niềm tin, giúp đối tượng tự tin hơn và trên hết là muốn thực thi được nghề công tác xã hội thì phải chấp nhận và tôn trọng đối tượng can thiệp cho dù bất kể đối tượng là ai. Do đó, cần thiết có những giải pháp nâng cao nhận thức cho học sinh về những yêu cầu phẩm chất đạo đức của nghề công tác xã hội.

3.4.2. Nhận thức của học sinh trung học phổ thông về yêu cầu kiến thức của nghề công tác xã hội

Bảng 5. Nhận thức của học sinh về yêu cầu kiến thức của nghề công tác xã hội

Kiến thức	SL	ĐTB	TB
Kiến thức về y tế, chăm sóc sức khỏe.	270	2,36	1
Kiến thức về luật pháp.	270	2,34	2
Kiến thức về các phương pháp công tác xã hội trợ giúp đối tượng.	270	2,32	3
Kiến thức về các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội.	270	2,27	4
Kiến thức về tâm lý, khoa học hành vi con người và môi trường xã hội.	270	2,21	5
Kiến thức chung về kinh tế - chính trị - xã hội.	270	2,15	6
Kiến thức chuyên môn về nghề công tác xã hội.	270	2,14	7
Kiến thức về vấn đề xã hội, chính sách xã hội và dịch vụ trợ giúp xã hội.	270	2,13	8

Kết quả khảo sát từ Bảng 5 cho thấy sự thiếu nhận thức của học sinh về yêu cầu kiến thức của nghề công tác xã hội. Có thể nhận thấy, những nội dung trên đều hoàn toàn là những yêu cầu kiến thức cơ bản và cốt lõi mà người làm công tác xã hội cần phải trang bị để hoạt động nghề nghiệp một cách chuyên nghiệp. Tuy nhiên, một bộ phận lớn học sinh đánh giá sự không hiểu biết ở mức độ rất cao, nói cách khác là các em không xem đó là yêu cầu về kiến thức của nghề công tác xã hội. Cụ thể, yêu cầu về kiến thức về y tế, chăm sóc sức khỏe (ĐTB = 2,36, thứ bậc 1), xếp theo sau là kiến thức về luật pháp (ĐTB = 2,34, thứ bậc 2), yêu cầu về kiến thức về các phương pháp công

tác xã hội trợ giúp đối tượng (ĐTB = 2,32, thứ bậc 3), kiến thức về các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội (ĐTB = 2,27, thứ bậc 4).

Nhận thức rất thấp của học sinh về yêu cầu kiến thức của nghề Công tác xã hội được thể hiện rõ thông qua kết quả khảo sát. Dù các nội dung đã chỉ ra rằng những yêu cầu là rất cần thiết cho nghề công tác xã hội, nhưng đa phần học sinh không thể nhận biết hoặc không đồng ý với những yêu cầu đó. Bên cạnh đó, các em không nhận ra rằng việc nắm rõ các kiến thức về y tế, pháp luật, phương pháp trợ giúp,... vô cùng cần thiết để hỗ trợ, can thiệp đối tượng để thúc đẩy sự thay đổi, khả năng tự giải quyết vấn đề ở đối

tượng. Nhìn chung, học sinh không nhận thức được đâu là yêu cầu kiến thức của nghề công tác xã hội, đây là vấn đề đòi hỏi sự quan tâm nhằm tăng cường

nhận thức nghề công tác xã hội cho học sinh.

3.4.3. Nhận thức của học sinh trung học phổ thông về yêu cầu kỹ năng của nghề công tác xã hội

Bảng 6. Nhận thức của học sinh về yêu cầu kỹ năng của nghề công tác xã hội

Kỹ năng	SL	ĐTB	TB
Kỹ năng xử lý thông tin.	270	2,33	1
Kỹ năng tiếp cận, thiết lập và duy trì niềm tin với đối tượng trợ giúp.	270	2,33	1
Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án.	270	2,30	2
Kỹ năng tham vấn, tư vấn.	270	2,27	3
Kỹ năng giao tiếp xã hội.	270	2,24	4
Kỹ năng nhận diện vấn đề, đánh giá tình trạng, nhu cầu và tiềm năng của đối tượng trợ giúp.	270	2,20	5
Kỹ năng tổ chức các hoạt động truyền thông, vận động xã hội.	270	2,20	5
Kỹ năng thu thập thông tin qua quan sát, điều tra, phỏng vấn, vấn đàm.	270	2,19	6
Kỹ năng thuyết trình, trình bày vấn đề trước công chúng.	270	2,17	7
Kỹ năng huy động, liên kết nguồn lực hỗ trợ.	270	2,14	8
Kỹ năng tổ chức sinh hoạt nhóm.	270	2,11	9
Kỹ năng xây dựng và triển khai kế hoạch hành động.	270	2,09	10

Kết quả khảo sát ở Bảng 6 đã chỉ rõ, đa phần học sinh chưa có nhận thức về yêu cầu kỹ năng của nghề công tác xã hội. Các em cho rằng đó không phải là những kỹ năng của nghề công tác xã hội hoặc đang nhầm lẫn những kỹ năng đó là của những ngành nghề khác. Điều đó được chứng minh cụ thể: yêu cầu về kỹ năng xử lý thông tin (ĐTB = 2,33, thứ bậc 1), kỹ năng tiếp cận, thiết lập và duy trì niềm tin với đối tượng trợ giúp (ĐTB = 2,33, thứ bậc 1), tiếp sau là yêu cầu về kỹ năng xây dựng và quản lý dự án (ĐTB = 2,30, thứ bậc 2), yêu cầu về kỹ năng tham vấn, tư vấn (ĐTB = 2,27, thứ bậc 3), kỹ năng giao tiếp xã hội (ĐTB = 2,24, thứ bậc 4).

Thực tế kết quả trên đã phản ánh được mức độ hiểu biết kỹ năng của nghề công tác xã hội của học sinh còn nhiều hạn chế. Rõ ràng đó là những kỹ năng rất quan trọng để nhân viên xã hội có thể hoạt động nghề, thế nhưng các em lại xem là không cần thiết. Đối với một nghề nghiệp mà đối tượng can thiệp đa dạng thì việc trang bị và vận dụng hiệu quả các kỹ năng trợ giúp sao cho linh hoạt và phù hợp với bối cảnh cũng như vấn đề của từng đối tượng là hết sức quan trọng nhưng học sinh trung học phổ thông lại chưa hiểu được giá trị mà các kỹ năng mang lại cho nghề nghiệp, có thể các em có sự nhầm lẫn khi mà các em cho rằng kỹ năng giao tiếp xã hội, kỹ năng thuyết trình, trình bày vấn đề trước công chúng thuộc yêu cầu chuyên môn của các ngành nghề khác. Tuy

nhien, những kỹ năng đó thật sự rất cần thiết cho ngành công tác xã hội, thiếu đi một trong số đó thì không thể nào thiết lập mối quan hệ nghề nghiệp với đối tượng hướng chi đến việc trợ giúp họ tự giải quyết vấn đề. Nhìn chung, học sinh có nhận thức rất thấp về yêu cầu kỹ năng của nghề công tác xã hội, cần thiết phải có giải pháp nâng cao nhận thức nghề nghiệp này của học sinh.

3.5. Thực trạng nhận thức về giá trị nghề nghiệp của nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông

Kết quả khảo sát ở Bảng 7 cho thấy, đa số học sinh chưa nhận thức được giá trị nghề nghiệp của nghề công tác xã hội. Những nội dung không phù hợp với giá trị của nghề thì đa số học sinh thể hiện ở mức cao, thậm chí các em còn nghĩ đây như là nghề làm hoạt động từ thiện (ĐTB = 3,83, thứ bậc 1), xếp sau đó là giải quyết vấn đề thay cho đối tượng (ĐTB = 3,63, thứ bậc 2), hay đem chính sách, tiền của cho đối tượng (ĐTB = 3,57, thứ bậc 3). Ngược lại những nội dung được xem là giá trị cốt lõi nhất của nghề công tác xã hội thì phần lớn học sinh lại đánh giá sự hiểu biết của mình ở mức độ rất thấp, tiêu biểu như là giúp con người sống công bằng, bình đẳng, tự trọng (ĐTB = 2,45, thứ bậc 14), tăng cường việc thực hiện vai trò xã hội cho các đối tượng (ĐTB = 2,33, thứ bậc 15) và giúp đối tượng phòng ngừa các vấn đề có thể xảy ra (ĐTB = 2,28, thứ bậc 16).

Bảng 7. Nhận thức về giá trị nghề nghiệp của nghề công tác xã hội của học sinh

Giá trị nghề nghiệp	SL	ĐTB	TB
Là nghề làm hoạt động từ thiện	270	3,83	1
Giải quyết vấn đề thay cho đối tượng	270	3,63	2
Đem chính sách, tiền của cho đối tượng	270	3,57	3
Là nghề tạo quyền lực cho con người	270	3,44	4
Được mọi người hàm ơn vì đã giúp họ	270	3,35	5
Giúp đối tượng có niềm tin, sự vượt khó, vươn lên trong cuộc sống	270	2,92	6
Nghề giúp con người sống khoan dung, vị tha, nhân ái	270	2,63	7
Nghề giúp hình thành tinh thần trách nhiệm cá nhân ở mỗi người	270	2,54	8
Giúp mỗi người tôn trọng phẩm chất, nhân cách người khác	270	2,53	9
Thúc đẩy đưa ra các chính sách và dịch vụ trợ giúp phù hợp cho đối tượng	270	2,51	10
Nâng cao năng lực giải quyết vấn đề cho đối tượng trợ giúp	270	2,49	11
Giúp đối tượng phục hồi sau những biến cố trong cuộc đời	270	2,49	11
Kết nối được nguồn lực khác nhau cho những người có hoàn cảnh khó khăn	270	2,48	12
Nghề xây dựng một xã hội nhân văn sâu sắc	270	2,47	13
Giúp con người sống công bằng, bình đẳng, tự trọng	270	2,45	14
Tăng cường việc thực hiện vai trò xã hội cho các đối tượng	270	2,33	15
Giúp đối tượng phòng ngừa các vấn đề có thể xảy ra	270	2,28	16

Phân tích số liệu trên có thể nhận thấy sự đối lập trong đánh giá mức độ hiểu biết của học sinh, điều đó phản ánh nhận thức rất thấp của các em về giá trị nghề công tác xã hội. Mục tiêu cuối cùng của công tác xã hội nhằm góp phần đem lại an sinh cho con người và sự phồn vinh của xã hội, từ đó giảm bớt vấn nạn xã hội và tiến tới sự công bằng trong xã hội. Những giá trị của nghề hướng đến tính tự chủ, tự quyết, trách nhiệm tham gia và đóng góp ở mỗi người, thông qua tăng cường các mối tương tác giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với xã hội. Nhận thức về giá trị nghề nghiệp của công tác xã hội giúp học sinh hiểu được tầm quan trọng và ý nghĩa của nghề trong xã hội

hiện nay. Nhưng thực tế kết quả trên cho thấy, các em xem giá trị của ngành nghề công tác xã hội chính là hoạt động từ thiện, là làm thay cho đối tượng hay là đem tiền cho đối tượng, nhưng điều đó không phản ánh đúng với giá trị và sứ mạng của nghề công tác xã hội. Tóm lại, học sinh trung học phổ thông chưa nhận thức được những giá trị của công tác xã hội. Để cải thiện tình trạng này, cần có các biện pháp nâng cao sự hiểu biết cho học sinh về bản chất và giá trị của nghề công tác xã hội mang lại cho xã hội.

3.6. Thực trạng nhận thức về môi trường/lĩnh vực làm việc (vị trí việc làm) của nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông

Bảng 8. Nhận thức về môi trường/lĩnh vực làm việc (vị trí việc làm) của nghề công tác xã hội của học sinh

Vị trí việc làm	SL	ĐTB	TB
Cán bộ công chức chuyên trách lao động, thương binh và xã hội tại xã, phường	270	2,40	1
Nhân viên công tác xã hội tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội	270	2,39	2
Nhân viên công tác xã hội tại các Trung tâm Công tác xã hội	270	2,37	3
Chuyên viên Phòng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại huyện, tỉnh	270	2,34	4
Chuyên viên làm việc tại các tổ chức chính trị xã hội và Đoàn thể của Nhà nước	270	2,32	5
Nhân viên tại các trung tâm giáo dục tư nhân	270	2,29	6
Nhân viên công tác xã hội tại trường học và các cơ sở giáo dục	270	2,28	7
Cán bộ của các dự án phát triển xã hội, phát triển cộng đồng	270	2,24	8
Nhân viên tại các trung tâm nghiên cứu các vấn đề xã hội	270	2,24	8
Nhân viên công tác xã hội tại bệnh viện và các cơ sở y tế	270	2,24	8
Nhân viên làm việc tại các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận trong và ngoài nước	270	2,17	9

Kết quả khảo sát trên đã chỉ ra rằng, học sinh trung học phổ thông có nhận thức rất thấp về môi trường/lĩnh vực làm việc của nghề công tác xã hội. Những môi trường hay lĩnh vực làm việc được đề cập trên đây đều có vị trí việc làm ứng dụng chuyên môn công tác xã hội, nhưng phần lớn các em đều không biết và xem như không phải là môi trường/lĩnh vực mà nhân viên công tác xã hội tác nghiệp. Có thể các em chưa tìm hiểu về môi trường làm việc cũng như

những vị trí việc làm của nghề công tác xã hội. Trong khi thực tế hiện nay, nghề nghiệp công tác xã hội có nhiều cơ quan, tổ chức tuyển dụng và cơ hội việc làm đa dạng. Để cải thiện tình trạng này, cần có các biện pháp nâng cao khả năng tiếp cận môi trường/lĩnh vực nghề nghiệp công tác xã hội cho học sinh.

3.7. Thực trạng nhận thức về cơ sở pháp lý của nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông

Bảng 9. Nhận thức về cơ sở pháp lý của nghề công tác xã hội của học sinh

Cơ sở pháp lý	SL	ĐTB	TB
Luật Trẻ em (năm 2016)	270	2,20	1
Luật Phòng chống bạo hành gia đình (năm 2022)	270	2,20	1
Luật Người cao tuổi (năm 2010)	270	2,19	2
Luật Bình đẳng giới (năm 2006)	270	2,19	2
Luật Người khuyết tật (năm 2010)	270	2,17	3
Quyết định Ban hành Chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021 - 2030 của Thủ tướng Chính phủ (năm 2021)	270	2,13	4
Thông tư Quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (năm 2017)	270	2,12	5
Luật Thanh niên (năm 2020)	270	2,12	5
Thông tư Quy định về nhiệm vụ và hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện của Bộ Y tế (năm 2015)	270	2,11	6
Thông tư Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức công tác xã hội của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (năm 2010)	270	2,10	7
Quyết định Ban hành Kế hoạch phát triển công tác xã hội trong ngành Giáo dục giai đoạn 2021 – 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (năm 2021)	270	2,10	7
Thông tư Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành công tác xã hội của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (năm 2022)	270	2,09	8
Thông tư Ban hành chức danh, mã số ngạch viên chức công tác xã hội của Bộ Nội vụ (năm 2010)	270	2,08	9
Thông tư Hướng dẫn công tác xã hội trong trường học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (năm 2018)	270	2,08	9
Quyết định Phê duyệt Đề án phát triển nghề Công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ (năm 2010)	270	2,06	10

Từ kết quả thống kê ở Bảng 9 cho thấy, sự hiểu biết của học sinh về cơ sở pháp lý của nghề công tác xã hội ở mức độ rất thấp. Pháp luật về công tác xã hội là các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước ban hành, các văn bản này trực tiếp hay gián tiếp điều chỉnh các hoạt động cung cấp dịch vụ công tác xã hội của các cá nhân và tổ chức nhằm bảo vệ lợi ích của người sử dụng dịch vụ (thân chủ), quyền và lợi ích của người tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội. Do đó, nếu học sinh thiếu nhận thức về các quy định pháp luật liên quan đến nghề nghiệp thì các em không hiểu rõ

những văn bản pháp lý giúp nhân viên xã hội bảo vệ quyền lợi của thân chủ và cũng như việc nghiêm chỉnh tuân thủ, áp dụng các quy định pháp luật vào trong quá trình thực thi công việc. Những nội dung khảo sát trên được xem là cơ sở pháp lý cốt lõi của nghề công tác xã hội ở Việt Nam hiện nay nhưng hầu như các em đều đánh giá với điểm trung bình thấp. Thực trạng này đòi hỏi cần có giải pháp tạo cơ hội cho học sinh tìm hiểu cũng như tiếp cận các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp công tác xã hội, từ đó nhận thức về cơ sở pháp lý sẽ được nâng cao đối với học sinh.

3.8. Thực trạng nhận thức về hệ thống cơ quan, tổ chức quản lý nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông

Bảng 10. Nhận thức về hệ thống cơ quan, tổ chức quản lý nghề công tác xã hội của học sinh

Cơ quan, tổ chức	SL	ĐTB	TB
Các cơ sở từ thiện, tôn giáo.	270	2,17	1
Các cơ sở, trung tâm hỗ trợ nhóm yếu thế trong xã hội.	270	2,13	2
Các cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	270	2,12	3
Các tổ chức phi chính phủ, tư nhân trong nước.	270	2,09	4
Các cơ sở tư vấn, tham vấn tâm lý.	270	2,08	5
Các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể, hội và hiệp hội.	270	2,08	5
Các cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe.	270	2,07	6
Các cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội.	270	2,04	7
Các cơ quan, tổ chức Liên hiệp quốc và Quỹ quốc tế.	270	2,05	7
Các tổ chức phi chính phủ quốc tế.	270	2,03	8

Kết quả thống kê ở Bảng 10 cho thấy, học sinh hoàn toàn không hiểu biết về hệ thống cơ quan, tổ chức quản lý nghề công tác xã hội ở Việt Nam hiện nay. Các dịch vụ công tác xã hội được triển khai bởi một bộ máy tổ chức theo hệ thống từ Trung ương tới địa phương cùng với sự tham gia của các ngành giáo dục, y tế, tòa án,... theo một hệ thống tổ chức ngành dọc và liên ngành. Ở Việt Nam hiện nay, cơ quan quản lý Nhà nước về an sinh xã hội và công tác xã hội được Chính phủ giao cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ngoài ra, còn có các tổ chức phi chính phủ, tư nhân trong nước và quốc tế được chính phủ cho phép quản lý và triển khai hoạt động trợ giúp công

tác xã hội. Có thể nhận thấy, những cơ quan, tổ chức trên hầu hết đều có liên quan trực tiếp đến nghề công tác xã hội, nhưng đại đa số các em đánh giá với điểm trung bình rất thấp, trong khi đó các cơ sở từ thiện, tôn giáo không thuộc phạm vi cơ quan, tổ chức quản lý hoạt động của nghề công tác xã hội thì học sinh lại đánh giá ở mức cao nhất (ĐTB = 2,17, thứ bậc 1). Điều này cần có giải pháp cung cấp thông tin nâng cao sự hiểu biết cho học sinh đối với hệ thống cơ quan, tổ chức hoạt động và quản lý nghề nghiệp công tác xã hội.

3.9. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông

Bảng 11. Mô tả giá trị trung bình của các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông

Yếu tố	SL	ĐTB	TB
Bạn muốn giúp đỡ người khác.	270	3,17	1
Bản thân có đam mê, hứng thú với ngành công tác xã hội.	270	3,12	2
Tính cách, năng lực của bạn phù hợp với yêu cầu chuyên môn của nghề công tác xã hội.	270	3,12	2
Muốn khẳng định giá trị bản thân, đóng góp cho xã hội.	270	3,10	3
Sự tác động của các chương trình hướng nghiệp trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.	270	3,09	4
Sự tác động của các hoạt động từ thiện bạn từng biết hoặc từng tham gia.	270	3,08	5
Sự tác động của công tác Đoàn, Hội tại địa phương bạn sinh sống.	270	3,07	6
Đây là ngành học mới, thú vị muốn được khám phá.	270	3,06	7
Bản thân thích tham gia các hoạt động xã hội.	270	3,05	8
Thầy/Cô thông tin với bạn về nghề công tác xã hội.	270	3,04	9
Thông qua các buổi tư vấn hướng nghiệp của trường.	270	3,04	9
Học công tác xã hội có thể làm ở nhiều lĩnh vực khác nhau.	270	3,04	9
Thiếu thông tin về nghề, ngành học, trường đào tạo và cơ hội việc làm công tác xã hội.	270	3,04	9
Bạn bè thông tin với bạn về nghề công tác xã hội.	270	3,03	10
Học công tác xã hội có thể làm việc ở các tổ chức phi chính phủ quốc tế.	270	3,03	10
Bạn bè, người quen đang theo học trong ngành công tác xã hội định hướng cho bạn.	270	3,02	11
Ngành này đang được nhà nước quan tâm nên có nhiều cơ hội phát triển sau khi ra trường.	270	3,02	11

Bản thân nghĩ rằng nghề này là hoạt động từ thiện, thiện nguyện.	270	3,01	12
Do ngưỡng mộ một hình mẫu cá nhân cụ thể đang hoạt động thật hiệu quả trong lĩnh vực công tác xã hội.	270	3,00	13
Không biết xã hội có ngành nghề này.	270	3,00	13
Học ngành công tác xã hội dễ kiếm việc làm sau khi ra trường.	270	2,98	14
Bạn bè, người quen đang đi làm trong ngành công tác xã hội định hướng cho bạn.	270	2,97	15
Ngành này thuộc khối xã hội nên không khó học.	270	2,94	16
Cha mẹ, người thân, họ hàng làm trong nghề công tác xã hội, họ định hướng cho bạn.	270	2,92	17
Thế chất và ngoại hình không phù hợp với ngành nghề khác.	270	2,85	18

Nghiên cứu đưa ra 25 tiêu chí được đánh giá theo thang đo Likert mức 5 (Hoàn toàn không ảnh hưởng, không ảnh hưởng, phân vân, ảnh hưởng, rất ảnh hưởng) để học sinh đánh giá xem tiêu chí nào tác động đến các em nhiều nhất dưới hình thức đánh giá điểm từ 1 đến 5. Sau đó, chúng tôi tính điểm trung bình cho từng tiêu chí. Kết quả ở bảng 11 cho thấy, tiêu chí “Bản muốn giúp đỡ người khác” được học sinh đánh giá ảnh hưởng nhiều nhất với điểm trung bình là 3,17, tiếp đó là tiêu chí “Bản thân các em có đam mê, hứng thú với ngành công tác xã hội” và “Tính

cách, năng lực của bạn phù hợp với yêu cầu chuyên môn của nghề công tác xã hội” đều được đánh giá điểm trung bình ảnh hưởng cao thứ hai là 3,12, tiêu chí “Cha mẹ, người thân, họ hàng làm trong nghề công tác xã hội, họ định hướng cho bạn” đánh giá điểm trung bình thấp thứ hai 2,92, tiêu chí “Thế chất và ngoại hình không phù hợp với ngành nghề khác” đánh giá điểm trung bình thấp nhất 2,85.

3.10. Một số giải pháp góp phần nâng cao nhận thức về nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông

Bảng 12. Giải pháp góp phần nâng cao nhận thức về nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông

Giải pháp	SL	ĐTB	TB
Giới thiệu các chương trình hướng nghiệp và chọn nghề trên các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội cho học sinh.	270	3,92	1
Xây dựng các chương trình về hướng nghiệp và chọn nghề trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội để phổ biến rộng rãi trong xã hội.	270	3,91	2
Tổ chức cho học sinh làm trải nghiệm hướng nghiệp để xác định mức độ phù hợp của học sinh với yêu cầu của nghề công tác xã hội.	270	3,89	3
Đổi mới phương pháp giảng dạy hoạt động hướng nghiệp để học sinh có hứng thú hơn.	270	3,89	3
Mời chuyên gia/người đang hành nghề công tác xã hội về trường chia sẻ với học sinh.	270	3,88	4
Thành lập văn phòng công tác xã hội học đường, các lạc bộ hướng nghiệp để giúp học sinh có môi trường tìm hiểu các ngành nghề dự định theo học.	270	3,88	4
Cung cấp thông tin về ngành học, nghề, trường, điểm trúng tuyển những năm trước và cơ hội việc làm của nghề công tác xã hội cho học sinh.	270	3,87	5
Tổ chức cho học sinh tham quan một số cơ sở đào tạo, các tổ chức, các doanh nghiệp, các trung tâm có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội.	270	3,87	5
Tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong cộng đồng.	270	3,87	5
Tổ chức cho học sinh tham dự các buổi tư vấn tuyển sinh được tổ chức tại trường.	270	3,86	6
Đưa hoạt động hướng nghiệp vào chương trình chính khóa và giảng dạy như những môn học khác để học sinh hiểu rõ về nghề nghiệp.	270	3,86	6
Tham vấn cho phụ huynh học sinh nhằm tăng cường nhận thức về việc chọn nghề công tác xã hội của học sinh.	270	3,85	7
Kết nối với các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành công tác xã hội tổ chức những hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.	270	3,81	8
Mời cựu học sinh đang học/công tác trong ngành công tác xã hội chia sẻ, trao đổi, tư vấn cho học sinh.	270	3,80	9

Kết quả khảo sát ở Bảng 12 cho thấy, hệ thống các giải pháp góp phần nâng cao nhận thức nghề công tác xã hội đều được học sinh đánh giá ở mức cao (ĐTB lớn hơn hoặc bằng 3,80). Đối với nhóm giải pháp truyền thông và cung cấp thông tin hướng nghiệp, cụ thể là giới thiệu các chương trình hướng nghiệp và chọn nghề trên các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội cho học sinh (ĐTB = 3,92, thứ bậc 1); tiếp sau đó là giải pháp xây dựng các chương trình về hướng nghiệp và chọn nghề trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội để phổ biến rộng rãi trong xã hội (ĐTB = 3,91, thứ bậc 2); cuối cùng là giải pháp cung cấp thông tin về ngành học, nghề, trường, điểm trúng tuyển những năm trước và cơ hội việc làm của nghề công tác xã hội cho học sinh (ĐTB = 3,87, thứ bậc 5). Đây là nhóm giải pháp được học sinh cho rằng rất cần thiết được triển khai. Bởi thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng xã hội sẽ giúp học sinh và phụ huynh dễ dàng tiếp cận đến thông tin về ngành học, các cơ sở đào tạo, yêu cầu điểm đầu vào và cơ hội việc làm, từ đó học sinh am hiểu về ngành nghề công tác xã hội được sâu sắc hơn.

Bên cạnh đó, phần lớn học sinh đánh giá cao nhóm giải pháp trải nghiệm thực tế và tư vấn hướng nghiệp chuyên sâu, bao gồm: tổ chức cho học sinh làm trải nghiệm hướng nghiệp để xác định mức độ phù hợp của học sinh với yêu cầu của nghề công tác xã hội (ĐTB = 3,89, thứ bậc 3); mời chuyên gia/người đang làm việc trong lĩnh vực nghề nghiệp công tác xã hội về trường chia sẻ với học sinh (ĐTB = 3,88, thứ bậc 4); tổ chức cho học sinh tham quan một số cơ sở đào tạo, các tổ chức, các doanh nghiệp, các trung tâm có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội (ĐTB = 3,87, thứ bậc 5); tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong cộng đồng (ĐTB = 3,87, thứ bậc 5); tổ chức cho học sinh tham dự các buổi tư vấn tuyển sinh được tổ chức tại trường (ĐTB = 3,86, thứ bậc 6); kết nối với các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành công tác xã hội tổ chức những hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh (ĐTB = 3,81, thứ bậc 8); mời cựu học sinh đang học/công tác trong ngành công tác xã hội chia sẻ, trao đổi, tư vấn cho học sinh (ĐTB = 3,80, thứ bậc 9). Đây là nhóm giải pháp tạo điều kiện cho học sinh trải nghiệm thực tế để học sinh có thể hiểu rõ hơn về sở thích bản thân, cơ sở đào tạo chuyên môn cũng như vị trí việc làm

đặc thù của ngành nghề công tác xã hội trong bối cảnh xã hội hiện nay.

Trong khi đó, nhóm giải pháp xây dựng môi trường hướng nghiệp cũng được học sinh quan tâm và đánh giá ở mức độ khá cao, cụ thể giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy hoạt động hướng nghiệp để học sinh có hứng thú hơn. (ĐTB = 3,89, thứ bậc 3); thành lập văn phòng công tác xã hội học đường, các lạc bộ hướng nghiệp để giúp học sinh có môi trường tìm hiểu các ngành nghề dự định theo học (ĐTB = 3,88, thứ bậc 4); đưa hoạt động hướng nghiệp vào chương trình chính khóa và giảng dạy như những môn học khác để học sinh hiểu rõ về nghề nghiệp (ĐTB = 3,86, thứ bậc 6). Bởi lẽ nhóm giải pháp này giúp học sinh có được môi trường trao đổi, tìm hiểu chi tiết hơn về ngành nghề công tác xã hội.

Tóm lại, những giải pháp trên đều đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các em có cái nhìn toàn diện và sâu sắc về nghề công tác xã hội, công tác triển khai đồng bộ các giải pháp này góp phần nâng cao nhận thức về nghề công tác xã hội cho học sinh. Bởi lẽ, hoạt động hướng nghiệp cho học sinh phải được tiến hành thực hiện từ sự phối hợp chặt chẽ giữa các hệ thống trong “tam giác giáo dục” bao gồm gia đình, nhà trường và xã hội. Những giải pháp mà chúng tôi đề xuất trên hoàn toàn có tính khả thi trong việc nâng cao nhận thức nghề công tác xã hội cho học sinh trung học phổ thông khi mà mới đây Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 11/2024/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024). Có thể nói, thông qua văn bản pháp lý này thì tại các trường phổ thông đã chính thức có một vị trí việc làm chuyên trách tư vấn và hỗ trợ học sinh giải quyết những vấn đề khó khăn trong quá trình học tập tại trường. Từ khó khăn trong học tập hay đến hoạt động hướng nghiệp, vấn đề tâm lý, sức khỏe tâm thần, giáo dục kỹ năng sống,... của học sinh đều sẽ được trợ giúp đồng bộ, toàn diện và giải quyết triệt để những vấn đề nan giải của các em thông qua vị trí việc làm chuyên trách này.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, nhận thức về nghề công tác xã hội của học sinh Trường Trung học phổ thông Thiên Hộ Dương, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã thể hiện ở mức độ thấp, hầu hết

học sinh hoàn toàn không hiểu biết về tên nghề, đối tượng làm việc/can thiệp, yêu cầu chuyên môn, giá trị nghề nghiệp, môi trường/lĩnh vực làm việc, cơ sở pháp lý và hệ thống cơ quan, tổ chức quản lý của nghề nghiệp công tác xã hội. Thiết nghĩ nguyên nhân chính dẫn đến thực trạng này là do các em đánh đồng nghề nghiệp công tác xã hội với hoạt động từ thiện, tình nguyện, từ đó dẫn đến sự hiểu biết nghề nghiệp công tác xã hội còn mơ hồ, cảm tính. Do đó, thông qua kết quả phân tích thực trạng nhận thức về nghề công tác xã hội của học sinh trung học phổ thông sẽ là cơ sở thực tiễn cho các cơ sở đào tạo chú trọng hơn trong công tác tuyển sinh, nâng cao nhận thức cho học sinh về nghề công tác xã hội một cách hiệu quả nhất, để các em có được định hướng cho bản thân, hiểu đúng ngành nghề để theo đuổi học tập trong tương lai, đặc biệt là đối với những học sinh có tố chất, năng lực phù hợp với nghề nghiệp công tác xã hội. Đồng thời, góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với nghề công tác xã hội trong chiến lược phát triển nghề công tác xã hội ở nước ta hiện nay.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Đồng Tháp, mã số SPD2022.02.29.

Tài liệu tham khảo

- Agarwala, T. (2008). Factors influencing career choice of management students in India. *Career Development International*, 13(4), 362-376. <https://doi.org/10.1108/13620430810880844>.
- Alyafei, A. S. (2018). Contextual Factors Affecting Social Work Career Choice among Qatari Students. *European Journal of Social Sciences*, 56(1), 102-114. <http://www.europeanjournalofsocialsciences.com/>.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024). *Thông tư số 11/2024/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2024, Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập*. <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=211222>.
- Bùi, T. X. M. (2010). *Giáo trình nhập môn công tác xã hội*. Hà Nội: NXB Lao động - Xã hội.
- Carpenter, P., & Foster, B. (1977). The career decisions of student teachers. *Education Research and Perspectives*, 4, 23-33.
- Hoàng, T., & Chu, N. M. N. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (Tập 1 và 2)*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Hồng Đức.
- Karaca, E., Gökçek Karaca, N., & Dziegielewski, S. F. (2016). Factors Affecting Choice and Satisfaction: Social Work in Turkey. *Journal of Social Service Research*, 42(4), 565-571. <https://doi.org/10.1080/01488376.2016.1147520>.
- Lê, T. T., & cs. (2016). Nhận thức của sinh viên ngành Công tác xã hội về tiếp cận và huy động nguồn lực cộng đồng. *Tạp chí Nguồn nhân lực và An sinh xã hội*. Truy cập từ <http://ulsa.edu.vn/NewsDetail.aspx?ID=1707>.
- Lê, T. X. T. (2015). Thực trạng xu hướng nghề của học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học Công nghệ*, Số 1(1), 21-24.
- Nguyễn, H. H. (2015). *Xu hướng chọn nghề của sinh viên ngành Công tác xã hội*. Hà Nội: Đại học Lao động - Xã hội.
- Nguyễn, H. H. (2018). Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm hoàn thiện pháp luật về công tác xã hội. *Tạp chí Khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam*, Số 1, 33-43.
- Nguyễn, T. H. (2014). Nhận thức về nghề nghiệp của sinh viên ngành công tác xã hội. *Tạp chí khoa học xã hội*, số 2, 83-92.
- Tạ, T. T., & Nguyễn, M. T. (2024). Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên ngành công tác xã hội tại Đại học Thái Nguyên. *Tạp chí Giáo dục*, 24(14), 53-58.
- Thủ tướng Chính phủ. (2010). *Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg, ngày 25/3/2010 phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020*. Truy cập từ <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=93914>.
- Trường Đại học Đồng Tháp. (2021). *Báo cáo thường niên Trường Đại học Đồng Tháp (Lưu hành nội bộ)*.
- Võ, T. T. L., & Huỳnh, H. T. (2016). *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu (ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội)*. Cần Thơ: NXB Đại học Cần Thơ.